

##### 第 1 章 台灣的醫療系統

9orbl J'l.12 '{6:t o2

* 1. **Khi bị ốm, tôi có thể đi khám ở đâu và cần mang theo những giấy tờ gì?**

**我感覺不舒服。我可以去哪裡看病，需要攜帶什麼？**

Đài Loan có 4 loại hình cơ sở cung cấp dịch vụ y tế chính.

臺灣主要有四類醫療服務提供機構

**Bốn loại cơ sở y tế tại Đài Loan**

**臺灣四類醫療機構**

**Loại hình**

**Mục đích**

**Ví dụ**

**Ghi chú**

**cơ sở**

**機構分類**

**目的 例如 備註**

**Trung tâm Y tế (bao gồm cả bệnh viện đại học)**

**醫療中心（包括大學醫院）**

**Bệnh viện khu vực địa phương (Bệnh viện khu vực, bệnh viện công)**

**地區/當地醫院**

**（地區醫院、公立醫院）**

Bệnh viện đa khoa thực hiện khám chính xác và các ca phẫu thuật phức tạp, có độ khó cao. Chăm sóc, điều trị khẩn cấp.

綜合醫院，進行精密的檢查和複雜、高難度的手術。緊急護理、治療。

Bệnh viện đa khoa khu vực, có thể thực hiện điều trị nội trú và khám tổng quát. Chăm sóc, điều trị khẩn cấp.

地區綜合醫院，可以進行住院治療和一般檢查。緊急護理、治療。

Phẫu thuật cao cấp, xạ trị và hóa trị tiên tiến, thử nghiệm lâm sàng.

高端手術、先進放療化療、臨床試驗。

Sỏi thận, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, phẫu thuật đục thủy tinh thể. Kiểm tra sức khỏe hàng năm.

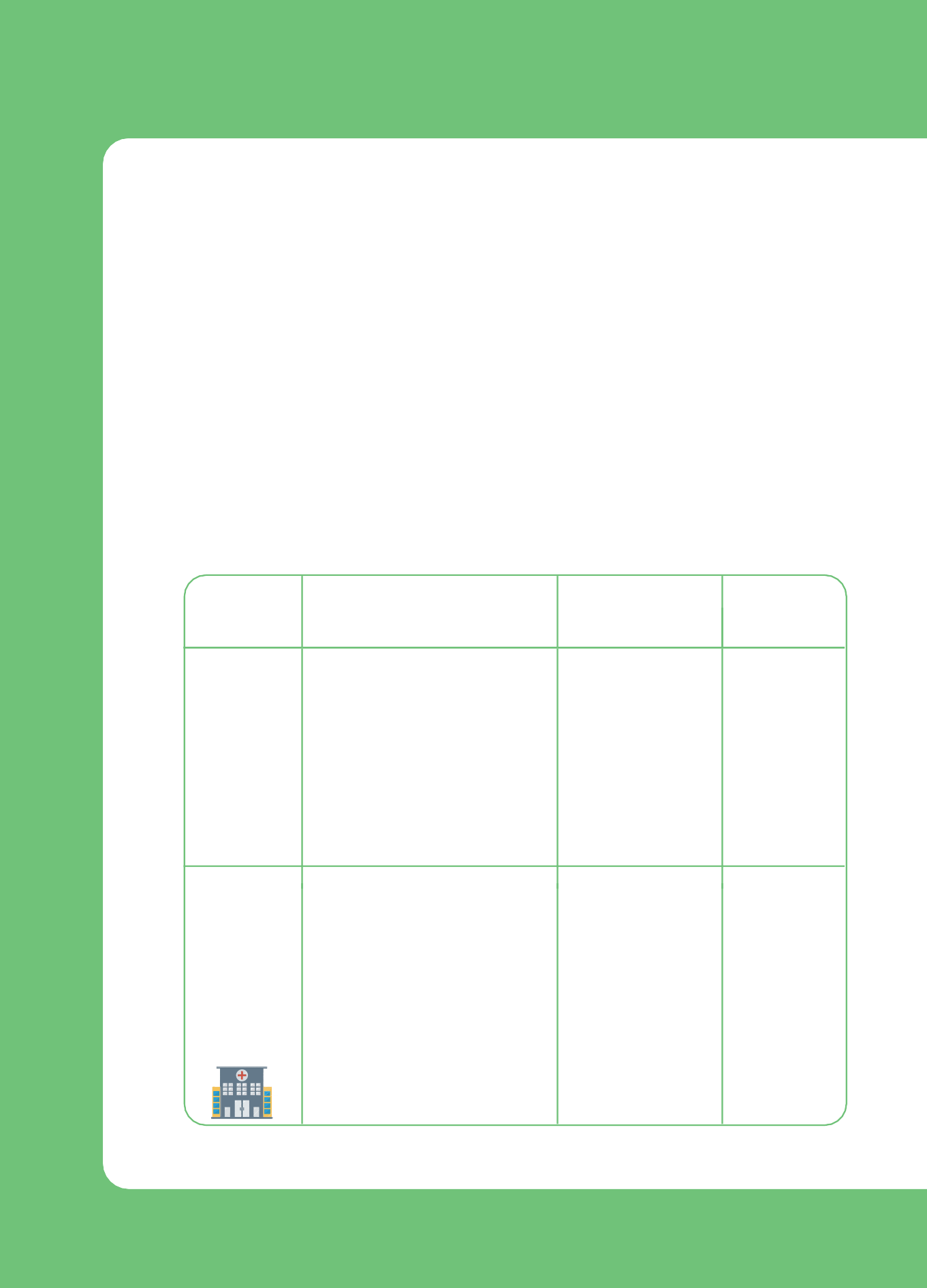
腎結石、慢性阻塞性肺病、白內障手術。年度健康檢查。

Thời gian chờ đợi lâu. Bệnh nhân có nhu cầu chuyển tuyến nên lựa chọn các cơ sở như thế này.

等待時間長。有轉診需求的患者可選擇此類機構。

Thời gian chờ đợi ngắn. Cần đặt lịch hẹn trước.

等待時間較短。需要提前預約。



**19 SỔ TAY SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### HỆ THỐNG Y TẾ TẠI ĐÀI LOAN

**第 1 章 台灣的醫療系統**

**Phòng khám**

**/ Phòng khám Nha khoa / Phòng khám Y học cổ truyền**

**診所 / 牙科診所 /傳統醫學診所**

**Nhà thuốc**

**藥房**

Chẩn đoán và điều trị các triệu chứng, bệnh thông thường.

診斷和治療常見問題和疾病。

Điều trị các bệnh thông thường.

常見症狀治療。

Cảm lạnh thông thường, bệnh mạn tính.

普通感冒，慢性疾病。

Cảm lạnh thông thường, tiêu chảy.

普通感冒、腹瀉。

Thời gian chờ đợi ngắn. Không cần hẹn trước.

等待時間短。無需預約。

Không được Bảo hiểm y tế toàn dân chi trả

不屬於全民健康保險承保範圍內。

**Khi bạn đến khám tại bất kỳ cơ sở y tế nào, vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

**您到任何醫療機構就診時，請攜帶如下相關文件：**

Thẻ Bảo hiểm y tế

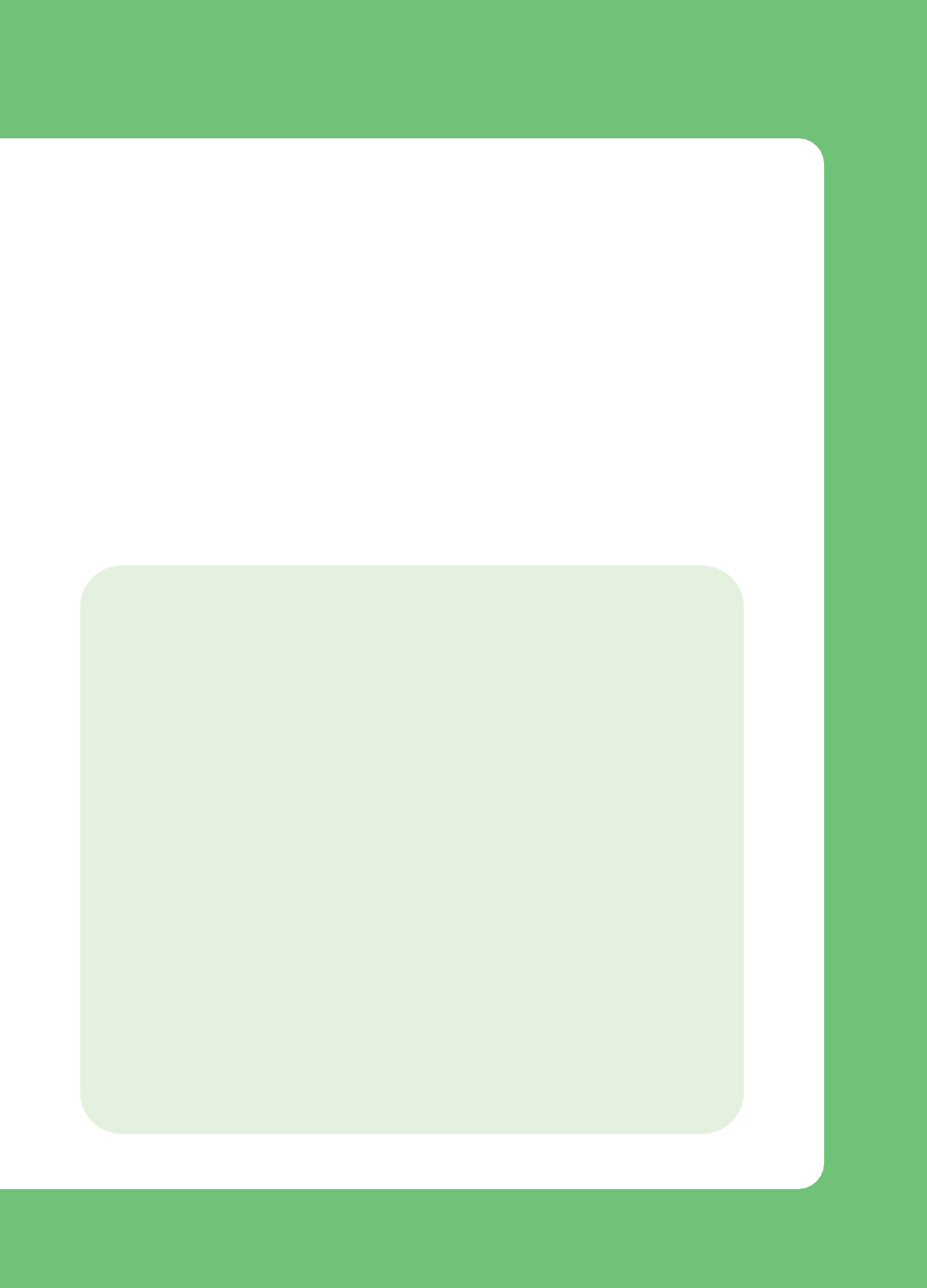
(xem Chương 6 để biết chi tiết)

全民健康保險卡（詳見第 6 章）

Giấy tờ tùy thân hợp lệ (ví dụ: Giấy chứng nhận lưu trú của người nước ngoài (ARC) hoặc hộ chiếu)

有效個人證件（如外國人居留證（ARC） 或護照）

Bạn vẫn có thể đến bất kỳ cơ sở y tế nào mà không cần mang theo những giấy tờ nêu trên, nhưng sẽ phải thanh toán trước toàn bộ chi phí y tế.



Chúng tôi khuyên bạn nên cung cấp cho bác sĩ các thông tin liên quan tới bệnh án của mình, bao gồm thẻ cho người mắc bệnh hiểm nghèo (nếu có), tiền sử bệnh, tình hình dị ứng với thực phẩm hoặc thuốc đang điều trị. Trong trường hợp khẩn cấp, y tá sẽ yêu cầu bạn cung cấp tên và số điện thoại của người liên hệ.

您仍然可以在不攜帶上述証件到任何醫療機構就診，但您必須預先支付 全額醫療費用。

我們還鼓勵您向醫生提供與您的病史相關的資訊，包括重大傷病卡（如果有）、病史、對正在治療的食物或藥物過敏情況。在緊急情況下，護理師還會要求您提供聯繫人的姓名和電話號碼。

**VIỆT NAM - ĐÀI LOAN 20**



* 1. **Khi bị đau lưng, tôi nên đến cơ sở y tế nào trước?**

**我背痛。我應該先到哪兒個醫療機構就診？**

Bạn có thể quyết định đến các loại cơ sở y tế khác nhau tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của bệnh. Chúng tôi khuyên bạn, trước tiên nên đến phòng khám địa phương hoặc bệnh viện khu vực/địa phương gần khu vực mình sinh sống. Nếu tình trạng bệnh của bạn cần chuyển viện thì bạn sẽ được chuyển lên bệnh viện tuyến trên.

您可以根據疾病的嚴重程度決定到不同類型的醫療機構。一般來說，我們建議您首先從當地診所或地區/當地醫院開始。 如果您的疾病需要轉診，您將被轉移到後級醫院。

* 1. **Nếu bị đau lưng, tôi nên đến khoa nào của bệnh viện địa phương?**

**我想去當地醫院，但我不知道如果我背痛應該去哪個科室？**

Bạn cần đến Khoa Chấn thương chỉnh hình. Dưới đây là danh sách các khoa của bệnh viện địa phương.



您需要去骨科。以下為當地醫院的科別列表。

**21 SỔ TAY SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### HỆ THỐNG Y TẾ TẠI ĐÀI LOAN

**第 1 章 台灣的醫療系統**

**Danh sách các khoa của bệnh viện địa phương**

**當地醫院的科別列表**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoa**  **科別** | | **Chức năng**  **功能** |
| **Khoa nội**  **內科** | **Khoa tim mạch**  **心臟科** | Đau tim, các bệnh về tim và hệ tim mạch.  心臟病發作、心臟和心血管系統疾病。 |
| **Khoa hô hấp**  **胸腔科** | Một số triệu chứng liên quan đến các bệnh về phổi và hô hấp.  與肺部和呼吸系統疾病有關的一些症狀。 |
| **Khoa tiêu hoá**  **肝膽腸胃科** | Triệu chứng đau bụng có liên quan đến chức năng và các bệnh về thực quản, dạ dày, ruột non, đại tràng, trực tràng, tuyến tụy, túi mật, ống mật và gan.  與食道、胃、小腸、結腸、直腸、胰腺、膽囊、膽管和肝臟的功能和疾病有關的腹痛症狀 |
| **Khoa nội tiết**  **內分泌科** | Các bệnh chủ yếu liên quan đến rối loạn nội tiết và chuyển hóa.  主要與內分泌和代謝紊亂有關的疾病。 |
| **Khoa truyền nhiễm**  **感染科** | Cúm, sốt xuất huyết, tiêu chảy, COVID-19, bệnh lao, HIV/AIDS.  流行性感冒、登革熱、腹瀉、 COVID- 19 、結核病、愛滋病毒/ 愛滋病。 |
| **Khoa huyết học ung bướu**  **感染科** | Điều trị cho các bệnh nhân bị bệnh về máu, tủy xương và hệ bạch huyết như: thiếu máu, đông máu.  專門治療血液、骨髓和淋巴系統疾病的患者：貧血，血液凝固。 |
| **Khoa thận**  **腎臟科** | Chăm sóc cho bệnh nhân mắc bệnh thận, bao gồm các bệnh mạn tính.  護理腎病患者，包括慢性病患者。 |
| **Khoa dị ứng, miễn dịch, thấp khớp**  **過敏、免疫、風濕病科** | Điều trị các loại dị ứng, các vấn đề về miễn dịch, bệnh thấp khớp, v.v.  治療各種類型的過敏、免疫問題、風濕病等。 |

**VIỆT NAM - ĐÀI LOAN 22**

**Khoa tiết niệu**

**心臟科**

**Nhãn khoa**

**眼科**

**Khoa tai mũi họng**

**耳鼻喉科**

Bệnh về đường tiết niệu có các triệu chứng thường gặp như: đau hai bên sườn, đau bụng dưới, tiểu ra máu, tiểu khó, trĩ, thoát vị, v.v.

男性和女性泌尿道疾病。常見症狀有：腰部雙側疼痛、下腹痛、血尿、排尿困難、痔瘡疝氣等。

Các bệnh liên quan đến mắt.

與眼睛有關的疾病。

Các bệnh về tai, mũi, họng, u ở đầu và cổ.

耳部疾病、鼻子疾病、喉嚨問題、頭頸部腫瘤。

**Khoa da liễu**

**皮膚科**

Các bệnh liên quan đến da.

皮膚相關疾病。

**Khoa tâm thần**

**精神科**

Bệnh tâm thần.

精神疾病。

**Khoa thần kinh**

**神經科**

**Khoa phụ sản**

**婦產科**

**Khoa Y học nghề nghiệp và môi trường**

**職業與環境醫學科**

**Nha khoa**

**牙科**

**Phòng khám dinh dưỡng**

**營養師診所**

**Khoa cấp cứu**

**急診科**

**AMBULANCE**

Đột quỵ, suy giảm trí nhớ, các bệnh về thoái hóa thần kinh khác.

中風，記憶障礙，其他神經退行性疾病。

Điều trị cho phụ nữ có các vấn đề về tiết niệu, phụ khoa và vùng chậu.

治療有泌尿、婦科和盆腔問題的婦女。

Phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp, kiệt sức, căng thẳng trong công việc.

預防職業病、職業倦怠、工作壓力。

Bệnh răng miệng.

牙科和口腔疾病。

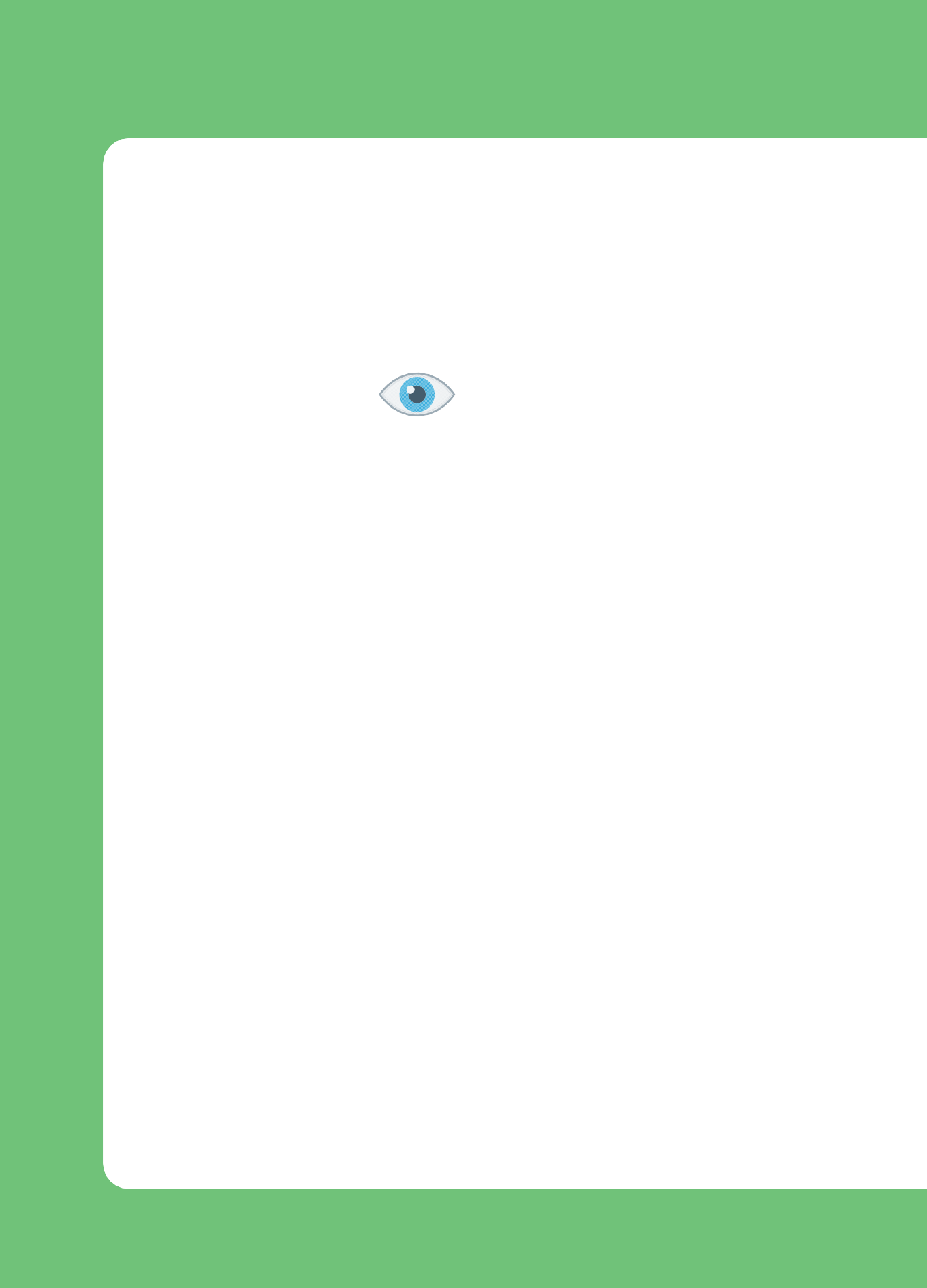
Duy trì cân nặng khỏe mạnh, lập kế hoạch

ăn uống lành mạnh/thực đơn đủ dinh dưỡng.

保持健康的體重，制定健康的飲食計劃/ 營養菜譜。

Chăm sóc, điều trị khẩn cấp.

緊急護理、治療。



**23 SỔ TAY SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### HỆ THỐNG Y TẾ TẠI ĐÀI LOAN

**第 1 章 台灣的醫療系統**

**Khoa chấn thương chỉnh hình**

**骨科**

**Khoa phục hồi chức năng**

**復健科**

Chẩn đoán và điều trị các bệnh liên quan đến cơ xương khớp.

診斷和治療與肌肉骨骼疾病相關的疾病。

Cung cấp dịch vụ phục hồi sau chấn thương và chăm sóc người khuyết tật.

提供傷後復健、失能照護。



* 1. **Tôi nói tiếng Trung không tốt, tôi muốn đi khám bệnh thì liên hệ tới đâu để được giúp đỡ?**

**我的中文說得不好。如果我想去看醫生，誰能幫我翻譯？**

Bạn có thể liên hệ trực tiếp với cơ sở y tế mà bạn muốn đến khám. Hoặc có thể nhờ công ty, đơn vị môi giới của bạn cung cấp phiên dịch viên để hỗ trợ. Nếu không muốn công ty, đơn vị môi giới giúp đỡ, bạn có thể nhờ bạn bè làm phiên dịch khi đi đến bất kỳ cơ sở y tế nào, hoặc gọi đến số điện thoại bên dưới để được trợ giúp trước khi đến bệnh viện.

您可以直接與您想要就診的醫療機構聯繫。您可以要求您的公司或中介機構提供翻譯人員來協助您。如果您不想讓公司或中介機構提供幫助，您也可以在前往任何醫療機構時請求朋友當翻譯，或者在前往醫院之前撥打下面的電話號碼尋求幫助。

**Đường dây nóng**

**热线**

Người Việt Nam ở Đài Loan cần phiên dịch và hỗ trợ khám sức khỏe có thể gọi tới đường dây nóng miễn phí sau:

0800665800 hoặc 1990

Thời gian làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6: Sáng: 9:00 – 12:00

Chiều: 13:00 – 17:00

在臺灣的越南人如需要翻譯和體檢協助，可撥打以下免費熱線：

0800665800 或 1990

工作時間：週一至週五： 上午：9：00-12：00

下午： 13：00 ‒ 17：00

**VIỆT NAM - ĐÀI LOAN 24**



* 1. **Làm thế nào để được khám và điều trị tại cơ sở y tế?**

**如何能在醫療機構接受檢查和治療？**

**Bước 1**

**步驟 1**

Khi đến cơ sở y tế bạn cần mang thẻ Bảo hiểm y tế đến quầy đăng ký, thanh toán phần chi phí do người lao động phải trả và được gọi vào khám, khám xong sẽ nhận được đơn thuốc.

攜帶全民健康保險卡到醫療機構，到掛號櫃檯，支付部分負擔，接受看診及檢查，檢查後收到處方藥單。

**Bước 2**

**步驟 2**

Đến nhà thuốc đã ký hợp đồng với Bảo hiểm y tế hoặc nhà thuốc bệnh viện để lấy thuốc.

前往與全民健康保險簽約的藥局或醫院藥房取藥。

**Bước 3**

**步驟 3**

Lấy thuốc.

領取藥物。

Trong trường hợp cần nhập viện, bác sĩ sẽ đưa cho bạn mẫu đơn đăng nhập viện sau khi khám. Sau đó bạn đến quầy đăng ký nội trú để hoàn tất quy trình đăng ký nhập viện.

ký



如果需要住院治療，您的醫生將在檢查後給您一份入院預約表。您應在門診後立即前往住院登記櫃檯完成入院申請流程。

Nhân viên y tế có thể giúp bạn hoàn thành các thủ tục giấy tờ cần thiết, sắp xếp nhập viện và đặt loại phòng bạn muốn ở. Khi nhập viện, bạn sẽ được yêu cầu khai báo tại quầy đăng ký. Bạn có thể đi thẳng đến phòng của mình nếu đã hoàn thành tất cả các thủ tục trên.

醫務人員可以幫助您完成辦理所需的手續，安排入院日期，並預訂您想入住的房間類型。在入院當天，您將被要求在入院櫃檯報到。完成了上述所有步驟後，您可以直接進入您的病房。

**25 SỔ TAY SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### HỆ THỐNG Y TẾ TẠI ĐÀI LOAN



**第 1 章 台灣的醫療系統**

* 1. **Tôi bị đau lưng, bác sĩ nói nên phẫu thuật để điều trị. Làm thế nào để tôi được chuyển lên bệnh viện tuyến trên?**

**醫生說我應該做手術來治療我的背痛。如何轉診至上級醫院？**

**Bước 1**

**步驟 1**

Sau khi chẩn đoán, nếu cần chuyển tuyến, bác sĩ sẽ đưa ra thông báo chuyển tuyến bằng văn bản, hoặc sử dụng mẫu yêu cầu chuyển tuyến điện tử.

門診診斷後，如果需要轉診，醫生會發出書面申請表。轉診通知，或使用電子轉診

**Bước 2**

**步驟 2**

Khi đến bệnh viện/phòng khám mà bạn được chuyển tuyến đến, bạn cần xuất trình giấy chuyển tuyến, hoặc thông báo bằng hình thức khác cho bệnh viện/phòng khám biết bạn là bệnh nhân được chuyển tuyến.

前往轉診醫院/診所進行預約(您需要出示您的轉診通知單,或以其他形式通知醫院您是轉診患者）。

**Bước 3**

**步驟 3**

Bạn được thực hiện phẫu thuật, khám, nhập viện, hoặc điều trị tiếp theo sắp xếp của bệnh viện/phòng khám.

接受轉診醫院或診所安排的手術、檢查、住院或進一步治療。

**Bước 4**

**步驟 4**

Sau khi điều trị, bệnh nhân được bác sĩ đánh giá là có tình trạng ổn định sẽ quay trở lại phòng khám ban đầu hoặc cơ sở y tế phù hợp khác để tiếp tục điều trị, thực hiện các thủ tục tiếp theo.

`治療後，經醫生評估病情穩定的患者，應返回原來的診所或其他合適的醫療機構進行後續治療或手續。

**VIỆT NAM - ĐÀI LOAN 26**

* 1. **Tôi có thể mua thuốc ở đâu?**

**我在哪裡可以買到藥？**

Bạn có thể mua thuốc ở bất kỳ hiệu thuốc nào gần nơi bạn sinh sống. Tuy nhiên, các loại thuốc khác nhau sẽ có quy định khác nhau.

您可以在您居住地附近的任何藥房購買藥物。但是，不同的藥物會有不同的處方。

1. **Thuốc kê đơn處方藥**
2. **Thuốc chỉ định適應症藥物**
3. **Thuốc không kê đơn**

**非處方藥**

Phải mua theo đơn của bác sĩ và theo sự hướng dẫn của dược sĩ. Phần lớn tiền thuốc sẽ do Bảo hiểm y tế toàn dân chi trả, bạn chỉ phải trả một phần nhỏ.

必須根據醫生的處方並在藥劑師的指導下購買。大部分的藥品費用將由全民健康保險支付，您只需要支付一小部分。

Mua và sử dụng theo hướng dẫn của bác sĩ hoặc dược sĩ. Bảo hiểm y tế toàn dân không chi trả tiền thuốc này.

按照醫生或藥劑師的指示購買和使用。全民健康保險不承保這種藥物

Người dân có thể tự mua và sử dụng loại thuốc này từ các hiệu thuốc, cửa hàng bách hóa, cửa hàng tạp hóa và/hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống. Bảo hiểm y tế toàn dân không chi trả tiền thuốc này.

公眾可以自己從藥店、百貨公司、雜貨店和/或飲食服務機構購買和使用。全民健康保險不給付該費用。



* 1. **Ở Việt Nam, tôi có sử dụng một số loại thuốc để giảm đau đầu. Tôi có thể mang thuốc từ Việt Nam sang Đài Loan được không?**

**當我還在越南時，我用了一些緩解頭痛的藥物。我可以將藥品從越南帶到臺灣嗎？**

Được. Bạn có thể mang thuốc để sử dụng nhưng thuốc đó phải để trong hành lý xách tay, vali và có ghi chú phù hợp.



Những quy định đối với thuốc mà bạn có thể mang theo để sử dụng:

可以。您可以自帶藥品使用，並需要將其放在隨身行李和手提箱中，並附上適當的備註。下表列出您可以隨身攜帶的藥物處方：

**27 SỔ TAY SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

#### HỆ THỐNG Y TẾ TẠI ĐÀI LOAN

**第 1 章 台灣的醫療系統**

**Những quy định khi mang theo thuốc cá nhân**

**隨身攜帶個人藥物的規則**

**Thuốc tây**

**醫藥**

**Dược liệu và chế phẩm Đông y**

**中藥材及製劑**

1. Được mang tối đa 12 lọ (hộp, lon, cây, que) của từng loại thuốc không kê đơn, và tổng số không quá 36 lọ (hộp, lon, cây, que).
2. Thuốc kê đơn nhưng không có đơn của bác sĩ được giới hạn ở mức đủ dùng trong 02 tháng.
3. Thuốc kê đơn có đơn thuốc của bác sĩ (hoặc giấy tờ chứng minh) không được vượt quá số lượng được kê trong đơn thuốc (hoặc giấy tờ chứng minh) và không được vượt quá mức đủ dùng trong 06 tháng.
4. Các sản phẩm dùng để tiêm cần có đơn thuốc (hoặc giấy tờ chứng minh) của bác sĩ.
   1. 每種非處方藥最多限購 12瓶（盒、罐、條、棒），總計不得超過 36 瓶

（盒、罐、條、棒）。

* 1. 無醫生處方的處方藥僅限 2 個月的用量
  2. 具有醫生處方（或證明文件）的處方藥不得超過處方（或證明文件）中規定的合理供應量，且不得超過 6 個月的用量。
  3. 注射劑需要醫生處方（或證明文件）。

Mỗi loại dược liệu không được mang quá 1kg, tổng số không quá 12 loại dược liệu.

Mỗi loại chế phẩm (thuốc) Đông y có thể mang tối đa 12 lọ (hộp); tổng số lọ (hộp) không quá 36 lọ.

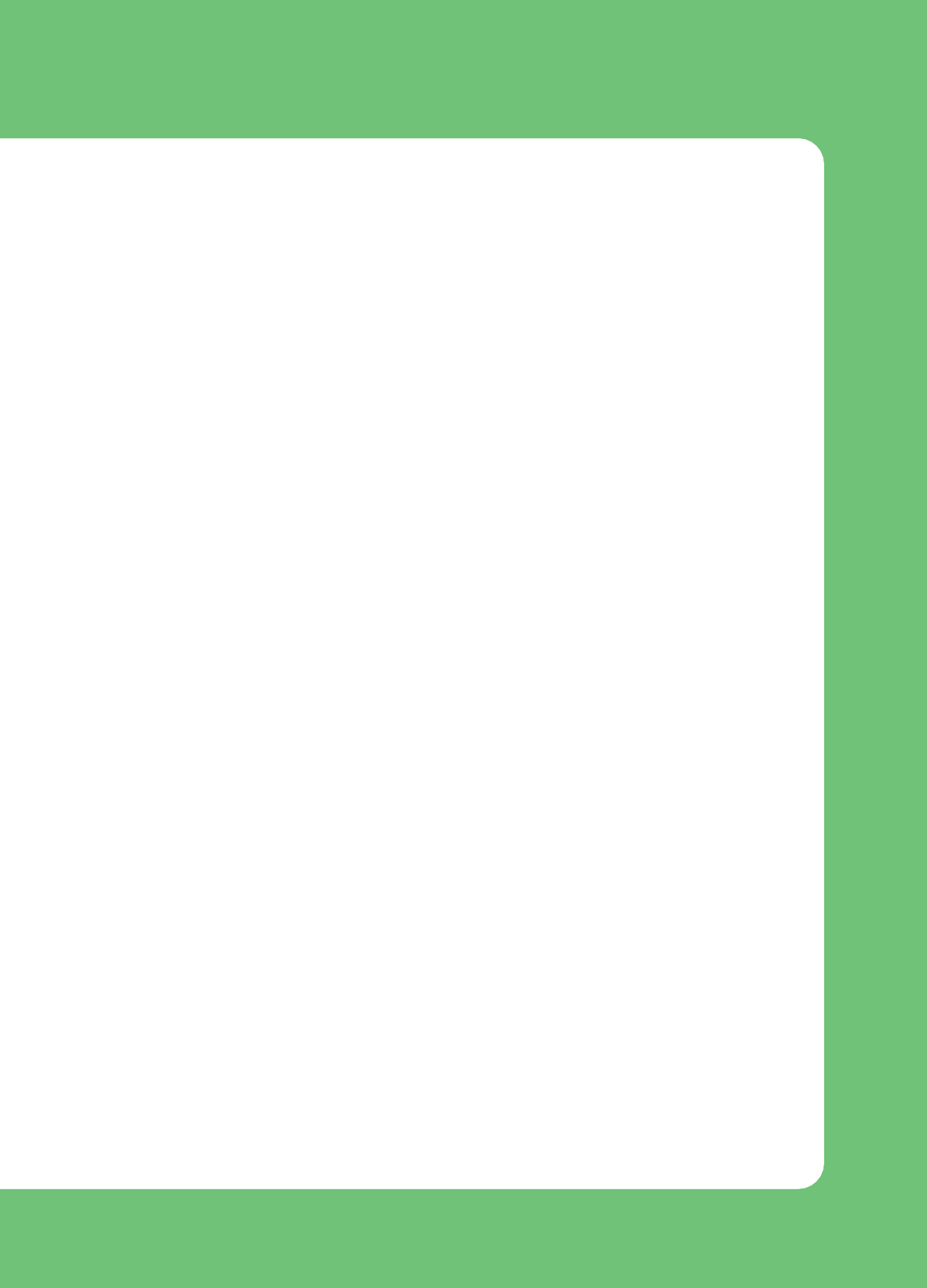
Thuốc và chế phẩm (thuốc) Đông y mang theo khi nhập cảnh (ngoài số lượng nêu trên) cần có giấy xác nhận y tế (chẳng hạn giấy xác nhận chẩn đoán của bác sĩ), và số lượng thuốc mang theo không được vượt quá mức đủ dùng trong 03 tháng.

每類中藥材不得超過1公斤；總數不得超過12種藥材。

每種中藥製劑（藥）最多12瓶（盒）；瓶（箱）總數不得超過36瓶。

入境時攜帶的中藥材及製劑（藥品）限量（除上述數量外）需提供醫療證明

（如醫師診斷證明），且不得超過3個月的用藥量。



**VIỆT NAM - ĐÀI LOAN 28**